

Bản án số: 23/2023/DS-PT

Ngày: 01 - 02 - 2023

V/v “Tranh chấp chia thừa kế
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 355/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc: Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 283/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 296/2022/QĐXX-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Văn S, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 247, T, khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lâm Văn M, sinh năm 1965

Địa chỉ: Nhà không số, T, khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm Thị H, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Lâm Văn T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Nhà không số, T, khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Lâm Thị N, sinh năm 1967

Địa chỉ: Nhà số 1, T, khóm 5, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Lâm Văn Th, sinh năm 1974

5. Bà Ngô Thị U

Cùng địa chỉ: Nhà không số, T, khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Lâm Thị B, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp II, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

7. Bà Lâm Thị P, sinh năm 1976 (Chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị P:

+ Ông Lai Phi H, sinh năm 1979

+ Chị Lai Thị Huỳnh N

Cùng địa chỉ: Nhà không số, T, khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Huỳnh Kiều D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 247, T, khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ông S, ông M có mặt, các đương sự khác vắng.

- *Người kháng cáo:* Ông Lâm Văn M, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lâm Văn S trình bày:

Lúc sinh thời, cha của ông là cụ Lâm Văn B (chết năm 1996) và mẹ là cụ Huỳnh Thị D (chết năm 2013) có tạo lập được một phần đất vườn với tổng diện tích 6.700m² tọa lạc tại khóm 4, phường 8, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Tắc đất tắc vàng) năm 1996. Khi còn sống thì cha mẹ có bán cho bà Lê Kim H 2.789,6m²; bán cho ông Hoàng Thoại C 144m², bán năm nào thì không nhớ; Còn lại 3.766,8m². Năm 1996 cha ông chết không để lại di chúc, mẹ và các anh em của ông không ai yêu cầu chia di sản thừa kế của cha ông. Đến ngày 07/10/2013 mẹ ông là cụ D có lập tờ di chúc để lại toàn bộ kỷ phần của mẹ ông được hưởng theo quy định pháp luật. Di chúc được Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố C chứng thực ngày 08/10/2013 đúng theo quy định.

Phần đất 3.766,8m² là tài sản chung của cha mẹ ông, cha mẹ ông mỗi người được hưởng 50% diện tích đất là 1.883,4m²; Do cha ông chết không để lại di chúc nên 50% diện tích đất cha ông được hưởng được chia cho 09 kỷ phần (gồm mẹ ông là cụ D và 08 anh em của ông), mỗi người được hưởng 209m². Như vậy phần của mẹ ông được hưởng tổng cộng là 2.092,4m². Theo di chúc mẹ ông để lại thì toàn bộ phần đất mà cụ D được hưởng 2.092,4m² được tặng cho Ông S. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận tờ di chúc lập năm 2013 là hợp pháp, phân chia phần di sản cho ông được hưởng theo di chúc là 2.301m². Phần còn lại của các anh em được hưởng theo pháp luật.

Bị đơn ông Lâm Văn M trình bày:

Cha mẹ ông là Lâm Văn B và Huỳnh Thị D có tạo lập một phần đất vườn diện tích 6.700m². Khi cha mẹ còn sống có bán cho bà Lê Kim H và Hoàng Thoại Ch một phần diện tích bao nhiêu và bán năm nào thì ông không nhớ. Cha ông chết năm 1996, không để lại di chúc. Năm 2009 mẹ ông có lập tờ di chúc có xác nhận của UBND phường 8, nội dung di chúc là để lại cho ông một phần đất ngang mặt tiền 03m x chiều dài 110m (cấp ranh phần đất Lâm Văn T). Phần đất này đến nay ông quản lý sử dụng làm đường nước để canh tác nuôi tôm. Tờ di chúc do Lâm Văn S cung cấp cho tòa án do cụ D lập ngày 07/10/2013 là không đúng, ông không thừa nhận nội dung tờ di chúc này. Đối với giấy thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2002 có chữ ký của cụ D, Lâm Văn T, Lâm Văn M, Lâm Văn Thám và Lâm Văn S, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường 8, do ông Thcung cấp cho Tòa án thì ông xác định chữ ký Lâm Văn M trong tờ thỏa thuận này không phải chữ ký của ông. Ông chỉ yêu cầu được hưởng phần đất ngang 03m x dài 110m theo tờ di chúc do mẹ ông lập năm 2009, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lâm Văn Th trình bày:

Phần đất cha mẹ ông tạo lập diện tích 6.700 m² tọa lạc tại khóm 4, phường 8, thành phố C, khi còn sống có bán một phần diện tích. Phần còn lại do mẹ và các anh em ông quản lý. Cha ông chết năm 1996, không để lại di chúc. Đến năm 2002 gia đình có lập tờ thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với phần đất còn lại, tờ thỏa thuận lập ngày 05/9/2002 có chữ ký của Huỳnh Thị D, Lâm Văn T, Lâm Văn M, Lâm Văn Thám và Lâm Văn S, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường 8. Nội dung tờ thỏa thuận thể hiện rõ phân chia cho Lâm Văn T, Lâm Văn M, Lâm Văn Thám và Lâm Văn S mỗi người một phần đất, riêng các con gái thì không được chia vì mỗi người con gái được tặng cho đất ở xã Lý Văn Lâm và đã có gia đình ở riêng. Tờ di chúc lập năm 2009 do Lâm Văn M cung cấp cho Tòa án và Tờ di chúc lập năm 2013 do Lâm Văn S cung cấp thì ông không biết đến các tờ di chúc này. Ông chỉ yêu cầu được hưởng phần đất được chia theo tờ thỏa thuận năm 2002 ngang 06m x dài 36m trong tổng diện tích 6.700m². Phần đất này ông đã cất nhà, quản lý, sử dụng trước khi lập tờ thỏa thuận này. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị N trình bày:

Bà xác định khi cụ D còn sống có phân chia đất cho Lâm Văn M, Lâm Văn T, Lâm văn Thám và Lâm Văn S mỗi người một phần đất lập vườn tọa lạc tại khóm 4, phường 8, thành phố C. Nội dung phân chia đất đúng như tờ thỏa thuận lập năm 2002 do ông Thcung cấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Lâm Văn S thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật, nếu nội dung di chúc lập năm 2013 là đúng thì bà yêu cầu được nhận phần thừa kế theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị B trình bày:

Khi mẹ bà là cụ Huỳnh Thị D còn sống có nói cho bà biết việc chia cho

Lâm Văn Thám phần đất ngang 06m dài 36m cất nhà ở, phần đất này ông Thđã cất nhà ở từ trước khi cho đất cho đến nay. Phần của ông Lâm Văn M thì bà có nghe nói là cho đường nước để xổ nước ra vô, còn cho diện tích bao nhiêu thì bà không biết. Việc mẹ bà có lập tờ thỏa thuận năm 2002 và lập tờ di chúc năm 2009 thì bà không có chứng kiến, do lấy chồng ở xa. Đối với tờ di chúc lập năm 2013 do Lâm Văn S cung cấp thì chính bà là người đến liên hệ với chính quyền địa phương để cử người xuống gia đình chứng kiến việc lập tờ di chúc năm 2013 này. Thời điểm mẹ bà lập di chúc năm 2013 vẫn còn minh mẫn, sáng suốt, lập di chúc là tự nguyện, thời điểm này Lâm Văn S sống cùng với cụ D. Trong gia đình ngoài bà chứng kiến việc mẹ lập di chúc năm 2013 thì còn có vợ chồng Lâm Văn S và Lâm Thị P, ngoài ra không còn ai. Bà yêu cầu Tòa án công nhận tờ di chúc lập năm 2013 do mẹ bà lập là hợp pháp. Phần thừa kế mà bà được hưởng thì bà giao lại cho Lâm Văn S, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị H trình bày:

Thời điểm cụ D còn sống thì có cho con là Lâm Văn M phần đường nước ngang 03m dùng để canh tác nuôi tôm, có làm giấy cho đất, còn cho năm nào thì bà không nhớ. Sau đó, cụ D có chia cho mỗi người con trai một phần, còn mỗi phần bao nhiêu thì bà không biết. Đối với tờ di chúc do mẹ bà lập, được chứng thực ngày 08/10/2013 thì bà không biết có tờ di chúc này. Bà xác định khi cha mẹ còn sống thì đã phân chia đất cho các con trai xong, còn con gái thì không có phần. Theo tờ di chúc ngày 08/10/2013 thì bà được hưởng một kỷ phần trong di sản của cha bà để lại. Tuy nhiên, bà khước từ nhận kỷ phần này và yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu công nhận di chúc do cụ D lập ngày 07/10/2013 được Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố C chứng thực là hợp pháp. Yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 2.273,5m² là di sản của cụ B và cụ D để lại, chia theo di chúc ngày 07/10/2013 và theo pháp luật. Đối với phần đường nước không đo đạc được thống nhất giao lại cho ông M quản lý để ông M, ông Hải (chồng bà Phăng) và ông cùng sử dụng chung để phục vụ cho việc nuôi tôm, khi nào có tranh chấp thì khởi kiện sau. Các thừa kế từ chối nhận kỷ phần và giao lại cho ông được quyền quản lý, sử dụng thì ông không ý kiến. Đối với kỷ phần của bà Hận từ chối nhận, không giao cho ai thì yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Yêu cầu những người nhận thừa kế hoàn trả lại chi phí đo đạc và thẩm định giá theo quy định.

Bị đơn Lâm Văn M xác định phần đường nước là do cụ Huỳnh Thị D cho ông vào năm 2009 và ông đã sử dụng phần đường nước này cho đến nay. Nay thống nhất giao phần đường nước này cho ông quản lý, mục đích để ông và ông Hải (chồng bà Phăng), Ông S cùng sử dụng chung để phục vụ cho việc nuôi tôm, khi nào có tranh chấp thì khởi kiện sau thì ông đồng ý. Đối với tờ di chúc do cụ D lập ngày 07/10/2013 và yêu cầu chia thừa kế phần đất theo đo đạc của nguyên đơn thì ông không ý kiến. Nếu chia thừa kế thì ông từ chối nhận kỷ phần và đồng ý giao cho Lâm Văn S được quyền sử dụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 283/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn S.

Công nhận di chúc do cụ Huỳnh Thị D lập ngày 07/10/2013 được Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau chứng thực ngày 08/10/2013 là hợp pháp. Chia thừa kế đối với phần đất theo đo đạc có diện tích 2273,5m² tọa lạc tại khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Cụ thể:

Ông Lâm Văn S được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 1696,11m² (Trong đó: diện tích đất được hưởng theo di chúc là 1263,04m², diện tích đất được hưởng theo pháp luật 144,35m², diện tích đất của ông M và bà Bảy giao lại cho Ông S là 228,7m²).

Ông Lâm Văn Th được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 121,4m² và buộc Ông S có trách nhiệm giao phần diện tích đất còn thiếu cho ông Th được hưởng trong phần diện tích đất chia thừa kế theo pháp luật là 22,95m².

Buộc ông Lâm Văn S có trách nhiệm giao cho bà Lâm Thị N phần đất có diện tích được hưởng thừa kế theo pháp luật là 144,35m².

Ông Lai Phi H và chị Lai Thị Huỳnh N là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lâm Thị P được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 94,8m² và buộc Ông S có trách nhiệm giao diện tích đất còn thiếu cho ông Hải, chị Như được hưởng trong phần diện tích đất chia thừa kế theo pháp luật là 49,55m².

Tạm giao cho ông Lâm Văn S quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 144,35m² của ông Lâm Văn T được hưởng thừa kế theo pháp luật. Ông S có trách nhiệm giao lại cho ông Thù khi có yêu cầu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 17/10/2022 bị đơn ông Lâm Văn M kháng cáo, tại đơn kháng cáo bị đơn Lâm Văn M yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét tờ di chúc ngày 08/4/2009 và tờ di chúc ngày 07/10/2013 do nguyên đơn Lâm Văn S cung cấp xem tờ di chúc nào hợp pháp và xem xét giấy thỏa thuận phân chia tài sản ngày 05/9/2002 có đúng sự thật hay không.

Tại phiên tòa:

Bị đơn, Lâm Văn M trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét di chúc lập năm 2013 có hợp pháp hay không.

Nguyên đơn, Lâm Văn S trình bày: Đồng ý với bản án sơ thẩm; Di chúc lập năm 2013 cụ D xác lập khi tinh thần minh mẫn, tuy cụ D bị bệnh nhưng tỉnh táo, nhận thức được sự việc, cán bộ UBND phường 8 đến nhà để chứng kiến việc cụ D ký tên vào di chúc. Đối với diện tích đất là đường nước ông M đang quản lý, sử dụng do không đo đạc được thì Ông S không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, đồng ý để ông M sử dụng, khi nào ông M sử dụng vào mục

đích khác (ví dụ như san lấp để bán) thì Ông S mới yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận di chúc lập năm 2013 là hợp pháp và yêu cầu chia phần di sản là quyền sử dụng đất được hưởng theo pháp luật; Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất” là đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có đơn kháng cáo làm đúng thời hạn quy định.

[2] Tại đơn kháng cáo bị đơn Lâm Văn M yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét tờ di chúc ngày 08/4/2009 và tờ di chúc ngày 07/10/2013 do nguyên đơn Lâm Văn S cung cấp xem tờ di chúc nào hợp pháp và xem xét giấy thỏa thuận phân chia tài sản ngày 05/9/2002 có đúng sự thật hay không

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M yêu cầu xem xét tờ di chúc lập ngày 07/10/2013 có hợp pháp hay không và yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không công nhận di chúc năm 2013.

Xem xét nội dung kháng cáo: Qua xem xét toàn diện chứng cứ thể hiện, tờ di chúc ngày 08/4/2009 (viết tắt di chúc năm 2009) do ông M cung cấp, tờ di chúc ngày 07/10/2013 (viết tắt di chúc năm 2013) do Ông S cung cấp và giấy thỏa thuận phân chia tài sản ngày 05/9/2002 do Ông Lâm Văn Th cung cấp đều có thể hiện nội dung hai cụ Lâm Văn B (chết năm 1996), Huỳnh Thị D (chết ngày 29/10/2013) là cha mẹ của Ông S, ông M, ông Th có quyền sử dụng đất, cụ B chết không để lại di chúc, đối với cụ D khi còn sống có lập di chúc và lập giấy thỏa thuận chia tài sản mà các đương sự cung cấp.

Về phía ông M cho rằng tờ di chúc lập năm 2009 là hợp pháp và yêu cầu công nhận; Ông S cho rằng tờ di chúc lập năm 2013 là hợp pháp và yêu cầu công nhận; ông Th xác định Tờ thỏa thuận chia tài sản là hợp pháp và ông Thất nhà trước khi cụ D lập tờ thỏa thuận đất. Qua xem xét nội dung tờ di chúc năm 2009, tờ di chúc năm 2013 và giấy thỏa thuận chia tài sản năm 2002 có nội dung thể hiện ý chí của cụ D và đều được UBND phường 8, thành phố C chứng thực. Ông M cung cấp tờ di chúc năm 2009, ông Th cung cấp giấy thỏa thuận chia tài sản và hai đương sự yêu cầu thực hiện theo nội dung trong văn bản nhưng không khởi kiện để yêu cầu xem xét tính hợp pháp của hai văn bản này; tuy nhiên, bản án sơ thẩm cũng phân tích, đánh giá về tính có hiệu lực của từng văn bản. Và bản án sơ thẩm công nhận tờ di chúc năm 2013 hợp pháp là có căn cứ, bởi lẽ theo quy định tại Điều 640 Bộ luật dân sự **“Người lập di chúc có thể sửa đổi,**

bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc đã lập vào bất kỳ lúc nào; Trường hợp người lập di chúc thay thế di chúc bằng di chúc mới thì di chúc trước bị hủy bỏ”. Căn cứ vào quy định này thì cụ D có quyền thay đổi di chúc năm 2009 và thay đổi sự thỏa thuận phân chia tài sản năm 2002 và di chúc lập sau cùng năm 2013 có giá trị pháp lý vì xét về hình thức, nội dung di chúc năm 2013 đảm bảo theo quy định tại các Điều 627, 628, 630, 631, 635, 636, 643 của Bộ luật dân sự đó là di chúc lập thành văn bản, có chứng thực tại UBND phường 8, cụ D minh mẫn, không có căn cứ nào xác định cụ D ký tên vào di chúc khi tinh thần không minh mẫn và di chúc có hiệu lực từ thời điểm mở thừa kế tức là ngày cụ D chết. Di chúc lập năm 2013 là di chúc cụ D xác lập sau cùng, nên di chúc lập năm 2013 là hợp pháp, những di chúc lập trước không còn giá trị khi tồn tại di chúc được lập sau cùng, cho nên bản án sơ thẩm chia di sản của cụ B, cụ D theo nội dung di chúc năm 2013 và chia theo quy định của pháp luật phần di sản của cụ B là có căn cứ, kỷ phần mà từng người được hưởng như án sơ thẩm tuyên là đúng pháp luật.

Do đó, kháng cáo của ông M không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Án phí phúc thẩm ông M phải chịu, đã dự nộp được chuyển thu.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lâm Văn M; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 283/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ Điều 26, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 624, 635, 640, 643, 649 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn S.

- Công nhận di chúc do cụ Huỳnh Thị D lập ngày 07/10/2013 được Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau chứng thực ngày 08/10/2013 là hợp pháp. Chia thừa kế đối với phần đất theo đo đạc có diện tích 2273,5m² tọa lạc tại khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Cụ thể:

Ông Lâm Văn S được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 1696,11m² (Trong đó: diện tích đất được hưởng theo di chúc là 1263,04m², diện tích đất được hưởng theo pháp luật 144,35m², diện tích đất của ông M và bà Bảy giao lại cho Ông S là 228,7m²).

Ông Lâm Văn Th được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích $121,4m^2$ và buộc Ông S có trách nhiệm giao phần diện tích đất còn thiếu cho ông Th được hưởng trong phần diện tích đất chia thừa kế theo pháp luật là $22,95m^2$.

Buộc ông Lâm Văn S có trách nhiệm giao cho bà Lâm Thị N phần đất có diện tích được hưởng thừa kế theo pháp luật là $144,35m^2$.

Ông Lai Phi H và chị Lai Thị Huỳnh N là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lâm Thị P được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích $94,8m^2$ và buộc Ông S có trách nhiệm giao diện tích đất còn thiếu cho ông Hải, chị Như được hưởng trong phần diện tích đất chia thừa kế theo pháp luật là $49,55m^2$.

Tạm giao cho ông Lâm Văn S quản lý, sử dụng phần đất có diện tích $144,35m^2$ của ông Lâm Văn T được hưởng thừa kế theo pháp luật. Ông S có trách nhiệm giao lại cho ông T khi có yêu cầu.

- Về vị trí đất để giao, các đương sự thống nhất thỏa thuận trong quá trình thi hành án. (Có bản vẽ kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Ông Lâm Văn Th, bà Lâm Thị N và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị P là ông Lai Phi H, chị Lai Thị Huỳnh N, mỗi người có trách nhiệm hoàn lại cho Ông S chi phí đo đạc và thẩm định giá tương ứng với phần tài sản được chia là 4.800.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền này thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Ông Lâm Văn S phải chịu 36.404.000 đồng. Ngày 25/6/2021 Ông S có nộp tạm ứng số tiền 8.250.000 đồng theo lai thu số 0001199 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu đối trừ. Ông S còn phải nộp tiếp số tiền 28.154.000 đồng.

+ Ông Lâm Văn Th phải chịu 8.682.000 đồng.

+ Bà Lâm Thị N phải chịu 8.682.000 đồng.

+ Ông Lai Phi H và chị Lai Thị Huỳnh N phải cùng chịu án phí 8.682.000 đồng.

+ Ông Lâm Văn M, bà Lâm Thị H, ông Lâm Văn T và bà Lâm Thị B không phải chịu án phí.

4. Án phí phúc thẩm ông M phải chịu 300.000 đồng, ngày 21/10/2022 ông M dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0002252 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân TP C;
- Chi cục THADS TP C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền